

Bản án số: **142/2022/HS-ST**

Ngày 27 - 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Cư

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 124/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Đ; sinh năm: 1989, tại BP; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: Tổ B, Ấp S, xã TH, huyện HQ, tỉnh BP; chỗ ở: 2347/27/31A PTH, Phường SA, Quận Y, TP.HCM); nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q và bà Trần Thị L; tại phiên tòa, bị cáo khai sống chung như vợ chồng với Trần Thị Thanh N (không đăng ký kết hôn) và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

2. Trần Thị Thanh N; sinh năm: 1995, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: 172 BÐ, Phường M, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 2347/27/31A PTH, Phường SA, Quận Y, TP.HCM); nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Dũng và bà Lê Thị Thơm; tại phiên tòa, bị cáo khai sống chung như vợ chồng với Trần Văn Đ (không đăng ký kết hôn) và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

- Bị hại: Chị Lương Thị H, sinh năm: 1989; nơi cư trú: 2385/84 PTH, Phường SA, Quận Y, TP.HCM. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Phú Q, sinh năm: 1986 – Là chủ tiệm vàng KMT, địa chỉ: 965 TQB, Phường SA, Quận Y, TP.HCM. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Đ và Trần Thị Thanh N chung sống với nhau như vợ chồng, thuê trọ tại nhà số 2385/84 PTH, Phường SA, Quận Y, TP.HCM. Do cần tiền tiêu xài, khoảng 14 giờ, ngày 28/5/2021, Đ nảy sinh ý định trèo qua phòng trọ của chị H (cùng địa chỉ, ở sát vách phòng của Đ) để tìm tài sản chiếm đoạt, Đ rủ N cùng thực hiện thì N đồng ý. Thực hiện ý định, N lấy thùng đựng gạo làm vật kê để Đ trèo qua khe hở giữa hai phòng. N đứng trên gác lửng nhìn qua khe hở giữa hai phòng để cảnh giới, còn Đ mở tủ đựng quần áo của chị H lấy trộm 01 hộp gỗ, bên trong có 07 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng và 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính đá màu trắng đưa cho N, rồi Đ trèo về phòng.

Khoảng 30 phút sau, Đ chở N đến tiệm vàng KMT (địa chỉ: 965 TQB, Phường SA, Quận Y) để bán số trang sức chiếm đoạt được cho anh Nguyễn Phú Q với số tiền 6.750.000 đồng. N giữ số tiền trên và đã tiêu xài cá nhân hết 2.059.000 đồng. Sau khi N bán số trang sức xong, trên đường về, N gặp chị H về kể cho chị H nghe về việc giữa N và Đ mâu thuẫn, đánh nhau làm bể gạch tường nhà. Nghe vậy, chị H phát sinh nghi vấn nên quay về phòng trọ kiểm tra thì phát hiện số tài sản kê trên bị chiếm đoạt. Chị H đến Công an Phường 6, Quận 8 trình báo sự việc, Công an Phường 6, Quận 8 mời Đ và N đến trụ sở làm rõ và cả hai thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của chị H. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 làm rõ.

Ngày 13/12/2021, Hội đồng định giá theo tổ tụng hình sự Quận 8 kết luận: 07 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng có khắc chữ Gucci, khối lượng 22,13g, hàm lượng vàng (Au) 61,06%: 5,9 chỉ x 3.248.000 đồng/chỉ = 19.163.200 đồng;

Đối với 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính đá màu trắng, kết quả thử nghiệm của Công ty TNHH MTV Giám định PNJ xác định nhẫn có khối lượng 3,29g (tính luôn khối lượng đá), hàm lượng vàng (Au) 61,14%. Quá trình điều tra, chị H khai tài sản trên trị giá 2.500.000 đồng, chị H không đồng ý tách phần đá và vàng để xác định giá trị nên Hội đồng định giá không tiến hành định giá.

Ngày 12/4/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Văn Đ và Trần Thị Thanh N để điều tra về tội “Trộm cắp tài sản”.

Quá trình điều tra, Trần Văn Đ và Trần Thị Thanh N khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Việc tạm giữ, xử lý vật chứng:

- 07 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng và 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính đá màu trắng do anh Nguyễn Phú Q giao nộp. Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại cho chị H những tài sản trên.

- Số tiền 4.691.000 đồng và 01 hộp gỗ hình vuông do Trần Thị Thanh N giao nộp. Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền 4.691.000 đồng cho anh Nguyễn Phú Q.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại cho chị H những tài sản bị chiếm đoạt và chị H không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Nguyễn Phú Q đã nhận lại số tiền 4.691.000 đồng và anh Q yêu cầu bị cáo Trần Thị Thanh N hoàn trả số tiền 2.059.000 đồng (trong tổng số tiền 6.750.000 đồng do anh Quốc mua số tài sản do phạm tội mà có từ N).

Tại bản Cáo trạng số 117/ CT-VKS ngày 31/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Trần Văn Đ và Trần Thị Thanh N về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Văn Đ và Trần Thị Thanh N về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù và xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh N từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo Trần Thị Thanh N hoàn trả cho anh Nguyễn Phú Q số tiền 2.059.000 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận; các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 28/5/2021, tại nhà số 2385/84 PTH, Phường SA, Quận Y, TP.HCM, các bị cáo Trần Văn Đ và Trần Thị Thanh N cùng có hành vi lén lút chiếm đoạt những tài sản của chị H gồm 07 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng có giá trị 19.163.200 đồng và 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính đá màu trắng (do chị H không đồng ý tách phần đá và vàng để xác định giá trị nên Hội đồng định giá không tiến hành định giá được).

[3] Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Trần Văn Đ và Trần Thị Thanh N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có đồng phạm nhưng mang tính nhất thời, giản đơn. Bị cáo Đ là người rủ rê và là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản; bị cáo N là người cảnh giới, giúp sức và là người trực tiếp đi tiêu thụ tài sản và sử dụng số tiền do phạm tội mà có. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét, quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, vai trò từng bị cáo.

[7] Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại và bị hại có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả tài sản bị chiếm đoạt cho bị hại, đồng thời bị hại không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến việc tạm giữ, xử lý vật chứng nên không đề cập giải quyết.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Phú Q (chủ tiệm vàng Kim Mỹ Tuyết) đã giao nộp những tài sản do các bị cáo phạm tội mà có để phục vụ điều tra và đã nhận lại số tiền 4.691.000 đồng trong tổng số tiền 6.750.000 đồng đã mua số tài sản kể trên từ bị cáo N. Anh Q yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền 2.059.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo N đồng ý chịu trách nhiệm cá nhân hoàn trả lại số tiền này cho anh Q và không yêu cầu bị cáo Đ chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Qua điều tra xác định, khi mua số tài sản từ bị cáo N, anh Nguyễn Phú Q không biết đó tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp quy định.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Đ và Trần Thị Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh N 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 166, 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Thị Thanh N hoàn trả cho anh Nguyễn Phú Q số tiền 2.059.000 (hai triệu không trăm năm mươi chín ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Trần Văn Đ và Trần Thị Thanh N nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Trần Thị Thanh N nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

Nguyễn Thị Phúc